

QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ
NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO CHO CỘNG ĐỒNG TỰ
THỰC HIỆN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THEO ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ
(BẰNG HIỆN VẬT HOẶC BẰNG TIỀN)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/02/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và tổ chức thực hiện dự án

1. Phải có sự tham gia của người dân trong quá trình lập hồ sơ, tổ chức thi công xây dựng công trình.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn, phần còn lại do cộng đồng dân cư được giao thực hiện dự án huy động từ nguồn đóng góp của người dân và các nguồn vốn hợp pháp khác tại địa phương để thực hiện dự án.

3. Đóng góp của người dân có thể bằng tiền hoặc hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền; phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

4. Ưu tiên sử dụng lao động, vật liệu tại chỗ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng; Đơn giá lập hồ sơ xây dựng công trình được xác định trên cơ sở giá thị trường.

5. Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

6. Cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện dự án theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần giải ngân cho đến khi giá trị giải ngân đạt 80% tổng số vốn hỗ trợ từ NSNN theo hợp đồng thì chuyển sang hình thức “kiểm soát trước, thanh toán sau” cho từng lần giải ngân.

7. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án và huy động nguồn đóng góp của nhân dân.

8. Ngoài các nội dung đã được quy định cụ thể tại Quyết định này, các nội dung khác phải phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tiêu chí lựa chọn dự án để đầu tư xây dựng

1. Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia.
2. Dự án nằm trên địa bàn một thôn hoặc tổ dân phố, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp của dự án phải có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công dự án.
3. Tổng mức đầu tư dự án dưới 500 triệu đồng.
4. Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện.
5. Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Lập Hồ sơ xây dựng công trình

1. Các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế giao cho cộng đồng tự thực hiện được lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (gọi tắt là Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản).

2. Nội dung Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản: Bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) và Dự kiến năng lực tự thực hiện của cộng đồng dân cư được giao thực hiện xây dựng công trình.

3. Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản: Thực hiện theo khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản và phê duyệt đầu tư dự án

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm: Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này; biên bản cuộc họp của cộng đồng dân cư; các văn bản pháp lý, tài liệu liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).

2. Việc tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản và phê duyệt đầu tư dự án: Thực hiện theo khoản 2 và khoản 5 Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Nội dung, thời gian và báo cáo kết quả thẩm định: Thực hiện theo khoản 3 và khoản 4 Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 7. Tổ chức, quản lý thi công, nghiệm thu công trình

1. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công dự án.

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, Ban quản lý xã ký hợp đồng với Ban phát triển thôn để tổ chức thực hiện (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung nếu có).

Hợp đồng theo hình thức trọn gói. Nội dung hợp đồng ngoài các yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP còn cần phải thống nhất cụ thể về: mức hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước; mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, mức thu hồi tạm ứng từng lần, thời điểm thu hồi tạm ứng từng lần và các nội dung khác đảm bảo việc thu hồi tạm ứng; số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán.

3. Quản lý chất lượng, giám sát thi công công trình:

Thực hiện theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Quy trình, thủ tục quản lý chất lượng thi công công trình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

4. Ban quản lý xã tổ chức nghiệm thu công trình, thành phần gồm: đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý xã; Ban giám sát của cộng đồng xã; đại diện cộng đồng dân cư được giao thực hiện dự án; các thành phần có liên quan khác do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

Điều 8. Quy định về tạm ứng, thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ

1. UBND xã thực hiện mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi đăng ký giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ để quản lý, theo dõi tình hình tạm ứng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ.

2. Việc tạm ứng, thanh toán được chủ đầu tư thực hiện trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư được giao thực hiện dự án (Ban phát triển thôn); Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công dự án.

3. Khi giao dịch lần đầu với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung cần có các tài liệu chứng minh việc dự án đã có trong Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; đã được của UBND cấp xã phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình kèm theo hồ sơ xây dựng công trình (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung nếu có) và đã có Hợp đồng ký kết giữa các bên.

4. Tạm ứng vốn

a) Nguyên tắc tạm ứng:

- Việc tạm ứng không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng;
- Việc tạm ứng được thực hiện sau khi hợp đồng xây dựng được ký giữa Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn có hiệu lực.

- Mức tạm ứng trên cơ sở đề nghị của Ban phát triển thôn đảm bảo không vượt quá 30% tổng số vốn hỗ trợ từ NSNN theo hợp đồng; Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được Chủ tịch UBND cấp xã cho phép bằng văn bản. Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý, sử dụng số tạm ứng theo quy định.

- Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng. Mức thu hồi từng lần thực hiện theo hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% tổng số vốn hỗ trợ từ NSNN theo hợp đồng (trừ trường hợp được Chủ tịch UBND xã cho tạm ứng theo mức cao hơn).

b) Hồ sơ tạm ứng (gửi theo từng lần tạm ứng) thực hiện theo các mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);
- Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT).

5. Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ

a) Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng hoàn thành được UBND cấp xã xác nhận. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và điều kiện thanh toán được căn cứ vào hợp đồng để thực hiện.

b) Hồ sơ thanh toán (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành) thực hiện theo các mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT), Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành *có xác nhận của UBND cấp xã* (Mẫu số 03.a/TT), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung *có xác nhận của UBND cấp xã* (Mẫu số 03.c/TT).

Điều 9. Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

1. Các dự án giao cộng đồng tự thực hiện thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng (bao gồm cả các khoản chi phí được thực hiện từ nguồn vốn nhân dân tự huy động).

2. Việc quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; trong đó:

a) Báo cáo quyết toán: Thực hiện lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo mẫu số 14/QTDA, mẫu số 15/QTDA kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Về thẩm tra quyết toán: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Trường hợp công chức chuyên môn không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán.

c) Về phê duyệt quyết toán: Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành hoặc ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quy trình, thủ tục quản lý chất lượng thi công công trình theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Kho bạc nhà nước Hà Tĩnh thực hiện kiểm tra, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy trình, thủ tục tạm ứng, thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý thực hiện kiểm tra, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, hướng dẫn UBND cấp xã triển khai thực hiện các dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

5. UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban phát triển thôn trong việc triển khai thi công dự án và việc quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ, nguồn huy động của người dân để thực hiện dự án.

6. Ban phát triển thôn chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng dự án được duyệt, đảm bảo chất lượng và công khai, minh bạch việc sử dụng nguồn ngân sách hỗ trợ, nguồn huy động của người dân để thực hiện dự án./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH